

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26 /9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị D - sinh năm: 1987

Trú quán: Thôn T, xã P, huyện V, tỉnh T.

Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D1 - sinh năm 1984;

Trú quán: Khu phố Đ, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI D CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024, bản tự khai ngày 13/5/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn D1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 22/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân: Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong công việc làm ăn. Từ cuối năm 2008 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai

quan tâm đến ai. Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không có, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn D1.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là: Nguyễn Văn T - sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam). Hiện nay con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Từ khi vợ chồng sống ly thân con ở cùng với chị D và ông bà ngoại. Cuộc sống của con đang ổn định, con phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Để không làm xáo trộn cuộc sống của con, khi ly hôn chị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Chị D không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Vì, hiện nay chị D đang làm công nhân có công việc và thu nhập ổn định, mức thu nhập của chị trung bình 7.000.000 đồng/tháng. Anh D1 làm nghề tự do, vì vợ chồng sống ly thân đã lâu nên hiện nay công việc và thu nhập của anh D1 như thế nào chị D không nắm được.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn D1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo nên Tòa án không thu thập được nguyện vọng của anh Nguyễn Văn D1.

Tại Biên bản xác minh ngày 29/5/2024, chính quyền địa phương xã P, huyện V, tỉnh T nơi chị D và cháu Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1987 có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P và anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại thời điểm đăng ký kết hôn năm 2006 là tại xã N, huyện V, tỉnh T. Chị D và anh D1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 22/12/2006. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh D1 sinh sống cùng với anh D1 và bố, mẹ chồng. Đến năm 2008, chị D về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã P để sinh con và từ đó không thấy chị D quay về nhà chồng nữa. Anh D1 không có hộ khẩu thường trú tại xã P, anh D1 cũng không sinh sống cùng chị D tại nhà bố mẹ đẻ của chị D. Từ năm 2008 đến nay chị D và con của chị D vẫn sinh sống tại thôn T. Vì vậy, chính quyền địa phương cũng không nắm được nguyên nhân vợ chồng chị D, anh D1 mâu thuẫn là gì. Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn D1 có 01 con chung tên là: Nguyễn Văn T – sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam). Cháu T được sinh ra và lớn lên tại nhà ông bà ngoại, cháu T đăng ký khai sinh tại UBND xã P, cháu cũng có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P. Từ khi sinh ra đến nay cháu T ở cùng với mẹ là chị D và ông bà ngoại, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Về điều kiện kinh tế, chị Phạm Thị D làm công nhân, công việc và thu nhập ổn định nhưng mức thu nhập cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm được. Anh Nguyễn Văn D1 không có hộ khẩu thường trú tại xã P và cũng không sinh sống tại xã P nên các thông tin về anh D1, chính quyền địa phương không nắm được. Về đạo đức, lối sống, quá trình sinh sống tại địa

phương xã P, chị D có đạo đức tốt, chấp hành tốt các quy định của nơi cư trú, không vi phạm pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 30/5/2024, ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ của anh Nguyễn Văn D1 cùng với chính quyền địa phương thị trấn V, huyện V, tỉnh T nơi anh D1 và bố mẹ đẻ của anh D1 có đăng ký hộ khẩu thường và cư trú cho biết: Năm 2006, gia đình ông tổ chức cưới hỏi cho anh D1 và chị Phạm Thị D, sinh năm 1987 ở thôn T, xã P, huyện V theo phong tục, tập quán. Anh D1 và chị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào ngày 22/12/2006 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau vì hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn, cả gia đình chỉ có 01 chiếc thuyền để sinh sống trên sông nên khi chị D có thai, gần đến ngày sinh thì chị D về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã P để ở. Sau đó, vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh D1 và chị D đã cãi vã lẫn nhau, chị D không về gia đình ông T1 để ở nữa mà cả hai mẹ con chị D ở hẳn bên nhà ngoại. Từ đó, vợ chồng anh D1, chị D sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng anh D1, chị D có 01 con chung tên là Nguyễn Văn T – sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam). Cháu T được sinh ra và lớn lên tại nhà ông bà ngoại, cháu T đăng ký khai sinh tại UBND xã P, cháu cũng có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã P. Từ khi sinh ra đến nay cháu T ở cùng với mẹ là chị D và ông bà ngoại, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Anh D1 không quan tâm đến con và cũng không đóng góp, cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D. Anh D1 làm nghề tự do, công việc và thu nhập bấp bênh, không ổn định. Anh D1 không có nhà đất và tài sản gì, hiện nay anh D1 đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ tại khu phố Đ, thị trấn V.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị D, xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn D1.

Giao con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam) cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh D1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D, vì chị D không yêu cầu.

-Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị D có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Nguyễn Văn D1 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Anh Nguyễn Văn D1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ anh Nguyễn Văn D1 cố tình trốn trách nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn D1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh T vào ngày 22/12/2006. Xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D1 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất từ cuối năm 2008, khi chị D ở hẳn bên nhà bố mẹ đẻ không về nhà chồng để ở nữa và vợ chồng sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Chị Phạm Thị D xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D1 không còn nữa nên đề nghị được giải quyết ly hôn anh D1. Quá trình giải quyết vụ án anh D1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tham gia các phiên hòa giải, điều đó thể hiện anh D1 không quan tâm đến việc Tòa án đang giải quyết vụ án, không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn D1 đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn D1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn D1 có 01 con chung tên là Nguyễn Văn T – sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam). Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau đến nay cháu T ở cùng với chị D và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị D có yêu cầu và theo nguyện vọng của con là giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T. Chị D không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án không thu thập được nguyện vọng của anh D1. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt và phát triển của con, thấy rằng: Chị D có công ăn việc làm, có thu nhập ổn định. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu T ở cùng với chị D, được chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, cuộc sống sinh hoạt và học tập của cháu đang ổn định. Cháu phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần. Cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng của chị D và của cháu T là hoàn toàn chính đáng. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, không gây ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của con về mọi mặt và đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Do đó, giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Văn T đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh D1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị D vì chị D không yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn D1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở và anh có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại điều 82 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị D được ly hôn anh Nguyễn Văn D1.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là Nguyễn Văn T – sinh ngày 05/10/2008 (giới tính: Nam) cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

2.2. Anh Nguyễn Văn D1 không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D.

2.3. Anh Nguyễn Văn D1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở anh thực hiện quyền này và anh D1 có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị D phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng chị D đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006092 ngày 23/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn D1 không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn D1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang